

## MỘT SỐ TÌM TÒI, ĐỔI MỚI THI ẢNH TRONG THƠ NỮ VIỆT NAM SAU 1975

Lê Thùy Nhung<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

*Sau năm 1975, diện mạo thơ nữ Việt Nam có nhiều chuyển biến mới mẻ. Đa số ý kiến cho rằng, thơ nữ đang dần khẳng định vị thế của mình với những tín hiệu đổi thay như sự hiện diện của đội ngũ thơ nữ đông đảo, sự dấn thân vào những thể nghiệm khác lạ và sáng tạo ra những thành tựu nghệ thuật độc đáo... Luôn nỗ lực không ngừng, thơ nữ đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của nền văn học Việt Nam đương đại. Một trong những đóng góp nổi bật là sự tìm tòi, đổi mới về thi ảnh. Với việc khám phá và kiến tạo những hình ảnh riêng biệt, chủ yếu xoay quanh các vấn đề về thân phận tình yêu, về thế giới đời tư, về thân thể tính dục, thi ảnh trong thơ nữ Việt Nam sau 75 không chỉ góp phần làm nên những giá trị nghệ thuật đặc sắc mà còn giúp người đọc thấy sức sáng tạo nghệ thuật dồi dào, phong phú đa dạng ở những cây bút nữ sau 1975.*

**Từ khóa:** *Thơ nữ Việt Nam sau 1975, thi ảnh, tìm tòi đổi mới.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Như một quy luật tất yếu, văn học luôn có xu hướng thay đổi để tiệm cận đến những chuẩn mực mới, hiện đại, phù hợp nhu cầu thẩm mỹ của người đọc. Bản chất của văn học nghệ thuật là không lặp lại và sáng tạo không ngừng. Bởi vậy, mỗi nhà văn phải luôn nỗ lực để tìm tòi, đổi mới để tạo ra những giá trị nghệ thuật đích thực.

Sau năm 1975, trong hành trình đổi mới của văn học Việt Nam, diện mạo của thơ nữ cũng bắt đầu có những thay đổi. Chưa bao giờ trên thi đàn Việt Nam sự xuất hiện những nhà thơ nữ lại phong phú và đa dạng như ở giai đoạn này, với những gương mặt tiêu biểu như Xuân Quỳnh, Ý Nhi, Lâm Thị Mỹ Dạ, Dư Thị Hoàn, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly, Hoàng Thụy Anh... Có nhiều giải thưởng lớn cũng được trao tặng cho những ấn phẩm thơ nữ xuất sắc, ghi nhận cả những đóng góp mới trong niêm thơ, nguồn cảm hứng sáng tác và sự thể nghiệm những hình thức nghệ thuật độc đáo mà trong đó có những thể nghiệm về thi ảnh.

Là một chất liệu quan trọng của nghệ thuật góp phần làm nên đặc trưng, diện mạo cho sự phát triển của thơ, nhưng thi ảnh cũng giúp cho người đọc khám phá ra những mặt bên trong của đời sống tinh thần và bức tranh muôn màu của hiện thực. Bởi thế việc khám phá phát hiện ra những tìm tòi, đổi mới trong thi ảnh của thơ nữ Việt Nam sau 75 không chỉ thể hiện được sự thay đổi của tư duy sáng tạo nghệ thuật mà còn làm toát lên vẻ đẹp của tâm hồn nữ giới thời đại mới.

<sup>1</sup> Trường Trung học phổ thông chuyên Hoàng Văn Thụ, tỉnh Hòa Bình

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Một số thi ảnh biểu tượng độc đáo

So với thơ nữ giai đoạn trước, thi ảnh trong thơ nữ Việt Nam sau 75 có nhiều đổi mới trong sắc thái biểu cảm và cách biểu đạt. Nhiều thi ảnh tưởng chừng rất quen thuộc trong thơ nữ, nhất là khi họ viết về thân phận tình yêu, thể giới đời tư, thân thể tính dục như *trái tim, bàn tay, đêm, trăng...* giờ đây chúng trở nên mới lạ và độc đáo vì có thêm những nét nghĩa biểu trưng mới, những cách kiến tạo mới, thể hiện sâu sắc hơn những vẻ đẹp khuất lấp trong tâm hồn.

#### 2.1.1. Những thi ảnh về thân phận, tình yêu

Khi viết về thân phận tình yêu, không phải ngẫu nhiên những thi ảnh *đêm, trái tim, bàn tay* lại xuất hiện nhiều lần trong thơ nữ. Chúng không chỉ đơn thuần được các nhà thơ nữ dùng để chuyển chở tâm trạng hay nỗi niềm cảm xúc, mà còn trở thành biểu tượng tượng trưng cho cuộc đời, hạnh phúc và đời sống tâm hồn của chính họ. Tuy nhiên, nếu ở giai đoạn trước, những thi ảnh này thường gắn liền với cảm thức không gian, thời gian thì đến giai đoạn này chúng mang thêm những ý nghĩa phong phú hơn, phức tạp hơn.

##### *Thi ảnh đêm*

Ở mẫu gốc, *đêm* thường gắn liền với giấc ngủ đêm, bóng đêm, là biểu đạt của màu đen, của giấc mộng. Đọc những vần thơ *Tự tình* của Hồ Xuân Hương, “*đêm khuya*” là không gian nghệ thuật tác động mạnh mẽ tới tâm trạng cô đơn đáng thương của nhân vật trữ tình:

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn*

*Trơ cái hồng nhan với nước non*

(*Tự tình II*)

Thơ nữ giai đoạn sau 75, thi ảnh *đêm* xuất hiện nhiều lần nhưng có nhiều biến ảo mới, hình thù mới và ám gợi sâu sắc đến tâm thức, tâm cảm người đọc. Ở nhà thơ Hoàng Thụy Anh, người đọc phát hiện trong 69 bài thơ của tập *Người đàn bà sinh ra từ mưa*, có hơn 40 bài viết về *đêm*, lặp đi lặp lại là những thi ảnh “*người đàn bà ngồi gặt đêm*”, “*người đàn bà ngồi vớt đêm*”, “*người đàn bà treo mình lên vách đêm*”, “*người đàn bà và đêm*”... Mỗi lần *đêm* xuất hiện, người đọc lại liên tưởng tới những nỗi đau, sự cô độc của phận người đàn bà. Và đặc biệt, *đêm* còn như là sự kết tinh từ tâm thức bị lưu đầy trong thế giới hư ảo với khát vọng về hạnh phúc mong manh của chính họ: “*anh biết không?/ từng sợi muối bay ra từ mắt em mắt đêm/ cũng làm hạt nắng thôi nẩy mầm thôi lên men/ trở mình/ hấp hối/ gối đầu vào bóng tối (mặn)*”.

Trong thơ Ly Hoàng Ly, *đêm* xuất hiện dày đặc trong cả khúc *đêm dài* với sự biến đổi phong phú, đa dạng, đó là “*Đêm chảy lên trời*”, “*Đêm là của chúng mình*”, “*Song đêm*”, “*Đêm và anh*”, “*Ngoặc đơn trong đêm*”, “*Đêm về đi sáng*”, “*Nửa đêm*”... Nhiều lớp nghĩa mới của *đêm* được bộc lộ. *Đêm* không chỉ là biểu tượng của không gian bủa vây con người, là vùng bùn lầy mà con người cố gắng vẫy vùng vượt thoát: “*Vẫy vùng gió vụt bay*

*đêm/ Đêm rơi xuống cống*” (*Mỏng mỏng mong*) mà trong *đêm* chất chứa cả nỗi bất hạnh tủi nhục: “*Cứ đến 11h30 là cơn lụt đêm đã lên đến thành giường/ Những cô gái có đôi chân chôn đen/ Vì đêm đã dấy lên mắt cá chân từ lúc nào mà không biết*” (*Lụt đêm*). *Đêm* cũng trở nên huyền diệu, trong lành khi *đêm* đến những khát khao sinh thành, những nhục cảm thăng hoa: “*Đêm tình yêu rơi nắng/ Đêm là của chúng mình/ Tình yêu thấp sáng đêm*” (*Đêm là của chúng mình*). Và được xem như thực thể sinh tồn, *đêm* còn là xác thực cho những nỗi niềm, tâm trạng của chủ thể, là cái cớ để cho nhân vật trữ tình nhận thức lại chính bản thân mình.

Khác với Hoàng Thụy Anh và Ly Hoàng Ly, *đêm* trong thơ Vi Thùy Linh có hình khối rõ nét và thiên hướng biểu nghĩa cho sự chờ đợi, hy vọng về tình yêu viên mãn: “*Đêm run theo tiếng nấc/ Nhớ anh/ Cài then tiếng khóc*” (*Gửi người dệt tầm gai*); “*Hàng triệu tú cầu cùng đêm trườn qua ngón mềm khi chúng mình gần nhau bằng hơi thở*” (*Một mình tháng tư*)... Nghệ thuật nhân hóa giúp nhà thơ biến *đêm* trở thành một sinh thể có hồn, *đêm* đến cho con người cảm giác được đồng cảm, tri âm, được sống với những khát vọng thành thực nhất của chính mình trong khoảnh khắc hạnh phúc ngắn ngủi đời thường.

Từ nét nghĩa biểu trưng và gợi cảm thức về thời gian, không gian, gợi nỗi niềm cảm xúc, thi ảnh *đêm* được tìm tòi, khám phá mở rộng thêm nhiều nét nghĩa mới gắn liền với cảm thức hiện sinh về cuộc sống hiện đại. Phẩm tính của *đêm* là những ám gợi sâu sắc về thân phận với nỗi đau, hạnh phúc, là sự biểu đạt của thế giới vô thức, tâm linh trong khát vọng tình yêu của nữ giới.

#### *Thi ảnh trái tim*

W. Shakespeare từng nói đại ý rằng “*Ái tình không nhìn bằng mắt mà cảm nhận bằng trái tim. Vì vậy nhân loại khắc họa thần tình ái có hai cánh nhưng con mắt mù loà*”. Từ lâu, cứ nhắc tới *trái tim* là người đọc liên tưởng tới biểu tượng của tình yêu hạnh phúc. Trong thơ Xuân Diệu, *trái tim* gắn liền với các cung bậc cảm xúc tình yêu, sự giao cảm, sự giao hòa tuyệt đối giữa thể xác và tâm hồn: “*Trái tim em thức đập/ Nơi gốc của thời gian/ Một nhịp mạnh nhịp khẽ/ Ấy tay anh nồng nàn/ Anh gìn giữ trái tim/ Cho em yên giấc ngủ/.../ Trái tim em lạc đường/ Anh thức hoài thức huỷ/ Anh là trái tim thương*” (*Trái tim em thức đập*). Trong thơ Tố Hữu, *trái tim* biểu tượng cho lời thề ước, cho lý tưởng chiến đấu cao cả với tình yêu đất nước cao đẹp, tuyệt đối: “*Mà nói vậy: Trái tim anh đỏ/ Rất chân thật chia ba phần tươi đỏ/ Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều/ Phần cho thơ và phần để em yêu*” (*Bài ca mùa xuân 1961*).

Sau 1975, sự nhìn nhận và tái hiện chân thực đời sống hiện tại của văn học đã làm cho thi ảnh trở nên gần gũi, giản dị. Trong thơ Xuân Quỳnh, *trái tim nhỏ* đã có những nhịp đập riêng của đời thường: “*Trái tim nhỏ nằm trong lồng ngực/ Giây phút nào tim đập chẳng vì anh*” (*Chỉ có sóng và em*). Đó là nhịp đập thổn thức của một trái tim yêu từng trải qua muôn vàn khó khăn, thiếu thốn, từng nếm trải biết bao đắng cay, vượt qua biết bao thăng trầm nay bỗng trở nên thăng hoa, cương trực và mãnh liệt. Khi *trái tim* đập, sự đắm say của tình yêu lại sóng dậy trong tâm hồn: “*trái tim em đập chừng mạnh quá/ Mạnh đến nỗi, em tưởng là nghe rõ/ Tiếng tim anh đang đập vì em.*” (*Thơ vui về phái yếu*). Tuy nhiên,

em lại không mong muốn *trái tim* đỏ bằng vàng hay là những gì vĩnh hằng, xa xôi mà chỉ cần một *trái tim* đúng nghĩa - *trái tim* biết nói, biết cảm nhận và bắt đúng nhịp của hạnh phúc tình yêu: “*Em trở về đúng nghĩa trái tim em/ Biết khao khát những điều anh mơ ước/ Biết xúc động qua nhiều nhận thức/ Biết yêu anh và biết được anh yêu*” (Tự hát) cho dù đôi lúc nó rơi vào sự buồn tủi, đau đớn: “*Trái tim buồn sau làn áo mỏng/ Từng đập vì anh, vì những trang thơ*” (Thời gian trắng). Là những câu thơ được viết trong thời gian Xuân Quỳnh biết mình bị bệnh tim nên ít nhiều *trái tim* ấy mang sự cô đơn, nỗi chán chường, song dường như nhà thơ lại luôn có ý thức trân trọng nó và xem đó như là một sự trải nghiệm thật kỳ diệu của cảm xúc.

Trong tập *Hái tuổi em đầy tay* của Lâm Thị Mỹ Dạ, *trái tim* còn trở thành biểu tượng “*trái tim kiên tâm dịu dàng như bầu trời sao*” (Cô gái trong ca dao), nơi tiếng lòng vang vọng, nụ cười hồn nhiên, tươi trẻ được cất lên: “*Và con người đã sống/ Trên trái đất biếc xanh/ với trái tim vang vọng/ Hồn thiên nhiên trong lành*” (Thiên thạch). *Trái tim* cũng gọi những nỗi buồn đau, những lo âu chất chứa sâu thẳm bên trong tâm hồn của người đàn bà (điều ít thấy ở giai đoạn trước) khi vang lên lời ca đau đớn “*Buốt nhức vì giận hờn/ vì yêu/ vì nhớ*” (Trái tim buốt nhức). Có lúc *trái tim* không còn lạnh lặn, mang dáng lười cày “*Để suốt đời không bao giờ yên ổn/ Để suốt đời/ Cày lên/ Đau đớn và hạnh phúc*” (Nói với trái tim) vì nếm trải nỗi đau cùng con người. Với tất cả nét nghĩa được biểu đạt, thi ảnh đã trở nên thật giản dị như chính cuộc đời của chính họ, và để rồi mỗi khi gấp lại những trang thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ người đọc luôn thấy đằng sau một *trái tim* đầy nữ tính là cảm thức nhân sinh của con người.

#### *Thi ảnh bàn tay*

*Bàn tay* cũng là một trong những thi ảnh có sức ám gợi sâu sắc cho thân phận tình yêu trong thơ nữ giới. Ở thơ Xuân Quỳnh, đó là *bàn tay* hạnh phúc ngọt ngào, mang tới sự bình yên và xua đi nỗi cô đơn, lạnh giá khi “*Những vinh quang đọa đầy bất hạnh/ Những cảm dỗ phù hoa bao vây vô âm ảnh/ Chẳng còn nữa trong phút giây thần thánh/ Khi dịu dàng tay nắm lấy bàn tay*” (Và vườn trong phố); là “*tay trong tay*” gắn kết yêu thương chân thành cùng nhau vượt qua cõi đời khó khăn và những bất hạnh: “*Bàn tay ấm, mái tóc mềm buông xõa/ Ánh mắt nhìn như chớp cả vô biên*” (Thơ tình cho bạn trẻ); “*Tay trong tay đầu lại sát bên đầu/ Con đường ấy sẽ không còn dài nữa*” (Tình yêu không có tận cùng). Đôi bàn tay ấy là biểu tượng cho khao khát hạnh phúc sau những trải nghiệm đau thương, trắc trở trong cuộc đời - một cuộc đời của người phụ nữ từng chịu quá nhiều tổn thương, mất mát và chưa có được hạnh phúc trọn vẹn.

Không phải đến bây giờ, *bàn tay* mới xuất hiện trong thơ nữ mà trước đó thi ảnh đã từng được nhắc tới nhiều lần và tượng trưng cho những đức tính, phẩm chất của người phụ nữ như: tần tảo, nhường nhịn, chăm chút hoặc là những khao khát bản năng mà “*Em mong đó là đôi bàn tay mềm ấm của anh*” (Đêm tân hôn - Phan Hoàng Phương). Nay, dưới ngòi bút của thơ nữ, nhất là thơ nữ trẻ, thi ảnh không chỉ chân thực hơn mà còn hiện đại và táo bạo hơn. Từ những nét nghĩa thể hiện vẻ đẹp truyền thống, *bàn tay* trở thành biểu tượng cho phận nữ đa đoan: “*thiếu phụ đưa bàn tay phải ra trước mặt, nhìn vào đường tình*

*duyên đầy nhánh ngang chồng chéo và đứt đoạn/ “Anh có đi hết con đường này không?” (Thiếu phụ và con đường - Vi Thùy Linh); cho nỗi đau đợi chờ vô vọng: “Cài then những ngón tay trầy xước của em bằng Anh” (Người dệt tâm gai - Vi Thùy Linh); và cho cả những nỗi đau vá víu, chấp nối: “Những ngón tay không sờ lên nỗi đau/ Những ngón tay và vùi vết thủng rách/ Những ngón tay nhạt nhòa” (Một nửa thế giới - Vi Thùy Linh)...* Mỗi thế hệ nhà thơ sẽ có cách diễn đạt khác nhau, nhưng rõ ràng khi bước vào giai đoạn đổi mới của thơ, những nhà thơ nữ trẻ lại luôn giữ tâm thế chủ động, dám dấn thân quyết liệt hơn trong sự tìm tòi đổi mới thi ảnh để chúng trở nên thực sự phong phú và độc đáo.

Ngoài những thi ảnh trên, trong thơ nữ Việt Nam sau 75 còn có sự xuất hiện của *nước mắt, ngọn lửa, bầu trời, hoa, con đường...* Tất cả thi ảnh xuất hiện đều xuất phát từ đời thường, nhưng qua cách xử lý thật đặc biệt của các nhà thơ nữ, chúng đã trở thành những biểu tượng hay, mới lạ và là phương tiện nghệ thuật hữu ích để họ thực hiện tư tưởng, ý đồ sáng tạo cũng như thực hiện chức năng biểu đạt về thế giới, đời sống mang đậm cảm quan của giới mình.

### 2.1.2. Những thi ảnh về thế giới đời tư

Một trong những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam sau 75 là sự phát triển của nền văn học theo xu hướng dân chủ hóa. Với đặc điểm này, văn học mở ra cho các nhà thơ nữ những cánh cửa mới để tiếp cận với đời sống hiện thực và có những khám phá thi ảnh mới mẻ. Không còn kiểu xây dựng không gian vũ trụ rộng lớn như *sông, bể, sóng...* thi ảnh trong thơ nữ giai đoạn này có thiên hướng thu nhỏ thế giới vào trong thế giới cảm quan riêng của đời sống cá nhân như *khuy áo, mắc áo, nếp nhăn, mái tóc...*, thu hẹp vào những không gian nhỏ của *căn phòng, cái giường, chiếu, chăn màn...*

Xuất phát từ nhu cầu muốn được giải phóng và giải tỏa nỗi niềm ẩn ức ăn sâu trong tiềm thức con người, thơ nữ Việt Nam sau 75 dường như có xu hướng khai thác thi ảnh sâu hơn vào bản thể đời sống. Các nhà thơ nữ thực đã rất nỗ lực tìm tòi, sáng tạo để phô diễn được hết cảm xúc qua những thi ảnh rất cụ thể đời thường với *“Năm tháng hẳn lên da mặt ngoại/ Những nếp nhăn rồi rậm như tơ (Thời tuổi trẻ bà đâu - Lâm Thị Mỹ Dạ); với những “Căn phòng hẹp không chỗ kê bàn ghế/ Mâm cơm dọn sẵn đặt lên bàn xi măng/ Bốn chôn đôi chân đợi ngoài ngõ/ Trở vào nâng nhẹ chiếc lồng bàn” (Xa dần kỉ niệm - Dư Thị Hoàn). Đa số những thi ảnh đều mang đậm dấu ấn tính nữ nhưng ở mỗi nhà thơ chúng lại mang những nét nghĩa biểu trưng khác nhau. Nếu Ý Nhi dùng những thi ảnh này để diễn đạt những ám ảnh về sự tan vỡ, sự suy tư, chiêm nghiệm của người phụ nữ, thì Ly Hoàng Ly lại thiên hướng diễn đạt những nỗi niềm thao thức, khắc khoải mong chờ “tình yêu rọi nắng” và thấp sáng lên niềm tin ở người đàn bà trong “Những đêm đèn sáng trưng/ Trong căn phòng/ thức/ Chiếc chăn bỏ trước ngực/ Đi ngủ/ đi/ Chiếc chăn màu xám trắng” (Đêm là của chúng mình). Với Vi Thùy Linh, những thi ảnh biểu hiện cho khát khao tổ ấm, hạnh phúc đích thực: “Trong chăn/ Những câu nói mê/ tỏa hơi nước... Ngôi nhà chôn sức nặng/ Căn phòng trên cao, còn trẻ/ Thiếu phụ/ Hai mươi tuổi” (Chân dung). Với Phan Huyền Thư, chúng biểu hiện cho khát khao được thấu hiểu, sẻ chia của người thiếu phụ: “Thiếu phụ chong đèn/ khâu đợi chờ thành tấm chăn/ ủ men tình hương cốm”*

(*Chia sẻ*)... Có được những ý nghĩa biểu tượng khác nhau ấy không chỉ phụ thuộc vào cá tính nhà thơ mà còn phụ thuộc chủ yếu vào ý nghĩa thông điệp mà tác giả muốn truyền đạt.

Tích cực tìm đến sự khoáng đạt, tự do trong cách diễn đạt tư duy nghệ thuật, nhiều nhà thơ nữ đương đại đã làm cho thi ảnh độc đáo hơn với những tín hiệu thẩm mỹ mới. Vì Thùy Linh từng mô tả cảnh sinh hoạt của con người “*Khi tắm/ Tôi thường ngắm nhìn/ (Như có một người, cùng tắm gương, ngắm tôi) (Bóng người), “Những người đàn ông bên bể cạo râu, nhuộm tóc/ Những người đàn bà chăm chỉ xoa kem, đánh phấn/ Người ta ngày càng chăm soi gương” (rêu)*... Nhiều người cho rằng, đó là thi ảnh dung tục, tầm thường nhưng ngược lại sự mô tả chân thực cảnh sinh hoạt cũng là cách nhà thơ làm sống dậy những khát khao và giải phóng chính mình bởi đằng sau chúng người đọc vẫn có thể tìm thấy hạnh phúc, sự sống của con người.

Như vậy, sự phân biệt thi ảnh này hay với thi ảnh kia hay đã không còn hợp với nhu cầu thẩm mỹ và thị hiếu của người đọc bởi chúng ta hoàn toàn có thể tìm thấy sự mới mẻ ngay trong những cái đời thường. Đó không chỉ là xu thế hòa nhập thơ nữ vào dòng chảy của thơ đương đại, bắt nhịp với hơi thở cuộc sống hiện đại và đi sâu vào những vấn đề mới của xã hội mà còn là tinh thần nhận thức lại, giải thiêng những giá trị, tín hiệu cũ từng tồn tại trong thơ.

### 2.1.3. Những thi ảnh thân thể, tính dục

Sau năm 1975, sự khám phá những thi ảnh liên quan tới thân thể như *lưỡi, môi, lòng ngực, làn da*... hay những hình ảnh mang đậm chất tính dục như *hôn, cài khuy áo, khóa thân, gối lên đùi, gác chân lên bốn tấm*... được xem là những bước đổi mới quyết liệt trong nghệ thuật xây dựng thi ảnh của thơ nữ. Chúng không chỉ có tác động mạnh mẽ tới nhận thức, sự thưởng thức nghệ thuật của người đọc mà còn trở thành một trong những phương tiện có lợi thế để truyền tải nỗi niềm riêng tư và những vẻ đẹp đặc trưng còn tiềm ẩn trong tâm hồn thơ của nữ giới.

Ở thế hệ của Xuân Quỳnh, Ý Nhi, Lâm Thị Mỹ Dạ việc sử dụng những thi ảnh này còn khá dè dặt, chỉ hiện lên với vài ba thi ảnh: “*Sao không cài khuy áo lại anh/ Trời lạnh đấy, hôm nay trời trở rét*” (Trời trở rét - Xuân Quỳnh); “*Đôi mắt thâm quầng già cỗi/ Hai bầu vú lép tọng teo*” (Người mẹ điên bên đền Ấng co - Lâm Thị Mỹ Dạ); “*Vòng tay tròn hết tình trắng/ Xin anh hôn chỉ vết rằm tìm em*” (Đêm trắng - Lê Thị Mỹ)... nhưng chúng vẫn mang nét nghĩa biểu trưng cho bản năng, khát vọng chân thành và cảm xúc dịu dàng, kín đáo.

Đến với thế hệ các nhà thơ nữ trẻ, đằng sau mỗi thi ảnh, người đọc luôn nhận ra những nghĩa biểu tượng khác lạ, đặc biệt kể từ khi Dư Thị Hoàn gây “sốc” trên diễn đàn văn nghệ vì những thi ảnh cách tân quá táo bạo. Nhiều người cho rằng, nhà thơ đang đi ngược với tư duy truyền thống, nhưng nhiều ý kiến cũng cho rằng đó là ý thức đổi mới quyết liệt bởi sau những “*phút giây êm đềm trên ghế đá/ Anh không cài khuy áo ngực cho em*” (Tan vờ) hàm chứa sự chủ động và sự phát triển mạnh mẽ của ý thức nữ quyền. Không ngần ngại, giấu diếm, nhiều nhà thơ nữ trẻ còn đi sâu vào vùng cấm kỵ với cách miêu tả rất chân thực. Chẳng hạn, khi viết về *lưỡi*, thơ nữ đã thể hiện được khát khao hòa

cảm mãnh liệt đến độ tan vào nhau, đẩy cảm xúc lên tới tận cùng: “*Đêm đã nhuộm màu lên chiếc lưỡi của em/ Để em không thể nhìn thấy anh/ Bằng vị giác*” (Đêm và anh - Ly Hoàng Ly); “*Cái lưỡi mềm của anh nơi gan bàn chân em/ Làm thế giới hóa lỏng*” (Sinh ngày 4 tháng 4 - Vi Thùy Linh); “*Nằm nghiêng trên thảm gió mùa. Nằm nghiêng/ nứt nẻ khóe môi/ đã lâu không vỗ vập răng lưỡi*”(Nằm nghiêng - Phan Huyền Thư)... Viết về nụ hôn, thơ nữ đã khám phá tới những miền suy tư, những miền trầm ẩn: “*Nụ hôn giống căng ngực miền trầm ẩn/ Mây đi/ Sương về/ Hạ độc bình minh*” (Do dự - Phan Huyền Thư); “*Nhắm mắt lại em cảm nhận trong nụ hôn một bản thể mang tên vòng ôm mờ đục*” (Bài thơ chữ Q - Từ Huy)... Viết về bầu ngực, nhà thơ nữ như đang cố gắng tìm lại chính mình trong đêm vô tận: “*Mở mãi, muốn mở mãi/ Bầu ngực này căng đêm/ Soi vào gương/ Bất lực và khóc/ Trong vô vàn giọt nước mắt/ Một giọt đêm ứa ra từ bầu ngực trắng*” (Mở nút đêm)... Ở góc độ đời sống, những thi ảnh này ít nhiều gợi liên tưởng tới tính dục và thể xác, nhưng góc độ khác, sâu xa hơn chúng lại mang đến cho người đọc sự cảm nhận bình yên trong khao khát vỗ vập, đam mê cháy bỏng sau sự kiếm tìm tình yêu viên mãn. Đó là sự viên mãn khi thể xác và tâm hồn giao thoa vào nhau với “*Hàng triệu tú cầu cùng đêm trườn qua ngón mềm khi chúng mình gần nhau bằng hơi thở/ Ngón mềm trườn trên thân thể/ Tất cả tan vào tha thiết nguồn yêu*” (Một mình tháng tư - Vi Thùy Linh); “*Khi anh trút sinh khí vào lưỡi hân hoan/ Em nghe thấy muôn vàn lời thì thầm say đắm*” (Anh sẽ ru em ngủ - Vi Thùy Linh)...

Trong thơ Việt Nam đương đại, có rất nhiều cây bút nam giới cũng từng sử dụng những thi ảnh liên quan tới tính dục như đối tượng thẩm mỹ khi có cách diễn rất ấn tượng: “*Làm sao tới Niết Bàn trên cái bụng nhà nghề*” (Đêm du lịch 3 - Hoàng Hưng); “*Môi mộng/ đùi mộng/ vú ấm*” (Bella - Dương Tường); “*Tôi hé một con mắt vú/ bò qua kẽ nghiêng phòng hóa - nghiệm - tổng - hợp tìm cong cong*” (Sinh nhật - Dương Tường)... Tuy nhiên khi diễn đạt những hình ảnh thuộc về thân thể nữ giới thì họ thường dựa trên bút pháp tả thực và đứng ở vị thế là chủ thể ngắm nhìn, chiêm ngưỡng trước vẻ đẹp của nữ giới, còn với những cây bút nữ thi ảnh là sự trải nghiệm thực tế, được tô đậm bởi thiên tính nữ, gắn với nhu cầu giải phóng cái tôi cũng như sự tự ý thức về phái tính, đòi hỏi sự nhìn nhận công bằng đối với phần tự nhiên trong con người. Tất nhiên, chúng đều là một phần giá trị của cái đẹp, của nhu cầu tự nhiên, là một phần của nhân tính mặc dù sự bạo dạn phô bày và thẳng thắn nhiều khi khó tránh sự quá đà trở thành những hiện tượng lộ liễu, tác động tiêu cực tới người đọc, khiến họ phải e dè, khó chịu trước những thi ảnh “sống sượng” ấy.

## 2.2. Nghệ thuật kiến tạo thi ảnh

Thông thường trong sáng tạo nghệ thuật, thi ảnh thơ hiện ra chủ yếu theo hai xu hướng: bình dị, tự nhiên hoặc huyền diệu lộng lẫy. Nó phụ thuộc vào cảm quan, vào cá tính và phong cách của mỗi nhà thơ. Nhưng để tạo ra những thi ảnh có biểu tượng mới, hay và lạ các nhà thơ nữ lại phải lựa chọn kết hợp, vận dụng, sáng tạo bằng những thủ pháp nghệ thuật.

*Trong kết hợp từ ngữ*

Qua khảo sát bước đầu, đa số những thi ảnh thường được kết hợp theo cấu tạo đặc biệt: danh từ + tính từ/ động từ khác trường nghĩa. Ví dụ: “*Trái tim lơ lửng*” (Lê Thị Mỹ); “*trái tim kiên tâm dịu dàng*” (Lâm Thị Mỹ Dạ); “*nhịp tim còn lạnh lốt*” (Phan Huyền Thu)... Tưởng chừng những hình ảnh: *trái tim* - chỉ thực thể sống khó kết hợp với *lơ lửng* - chỉ trạng thái chuyển động, với *kiên tâm dịu dàng* - hai tính từ chỉ tính cách con người, với *lạnh lốt* - từ láy tượng thanh, bởi sự kết hợp này làm cho nhiều người đọc cảm thấy mơ hồ, khó hiểu các nét nghĩa. Nhưng ngược lại, nhờ thủ pháp này mà thi ảnh trong thơ cũng trở nên có sức gợi hình, gợi cảm và mở rộng thêm những nét nghĩa biểu tượng mới.

Đối với một số trường hợp khác như Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thu, sự kết hợp này còn đặc biệt hơn ở chỗ phá vỡ đi cái nhìn quán tính với sự vật. Khi Vi Thùy Linh viết: “*Hình như/ có nỗi buồn nằm nghiêng/ Nơi bóng tối òa vỡ... Mảnh chăn co mình*” (Không đề I), sự kết hợp giữa *nỗi buồn* (trạng thái vô hình) với *nằm nghiêng* (trạng thái của sự vật hữu hình), *mảnh chăn* (sự vật bất động) với *co mình* (trạng thái chuyển động do con người tác động) đã mở ra những kênh liên tưởng thú vị đến một hiện thực khác. Tương tự, khi nhà thơ Phan Huyền Thu viết: “*Não bộ nhũn nhũn tìm quắt lại vì lười biếng và sợ hãi*”; “*ngón tay thức trước/ sờ ngày thấy lạnh*” (Phan Huyền Thu) cũng cho thấy sự mạnh dạn phá bỏ đi khuôn sáo cấu tạo cũ của từ ngữ làm cho câu thơ tưởng chừng rất phi lí, đôi khi có phần nghịch dị vượt qua mọi giới hạn của khả năng tưởng tượng đem đến những biểu tượng độc đáo. Cách kết hợp ấy làm chúng ta nhớ đến cách tạo dựng thi ảnh thơ tượng trưng của Xuân Diệu: “*Những luồng run rẩy rung rinh lá*” (Đây mùa thu tới); “*Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi*” (Vội vàng)... Những từ ngữ chuyển đổi cảm giác cũng thực sự đem lại cho người đọc những phát hiện mới trong cảm xúc của Xuân Diệu.

Ngày nay càng có nhiều nhà thơ nữ trẻ xây dựng thi ảnh theo lối tư duy đa tuyến và kết hợp từ ngữ theo hướng mở, phong phú đa dạng. Điều đó không chỉ giúp cho thi ảnh của thơ nữ có nhiều yếu tố lạ, bất ngờ, mà còn có thể diễn tả tinh tế những cảm xúc mơ hồ khó tả trong tâm hồn nữ giới. Vậy, trước những thi ảnh độc đáo chúng ta cũng cần quan sát kĩ để nhận ra sự hợp lí của cảm xúc được trào ra thành tiếng thơ từ trong tiềm thức, ẩn ức của mỗi nhà thơ.

*Lạ hóa các thi ảnh bằng ẩn dụ, so sánh*

Nếu trong thơ ca truyền thống, thủ pháp ẩn dụ được dùng thiên về tính tả thực thì trong thơ ca đương đại có sử dụng nhiều yếu tố siêu thực qua việc lạ hóa các ẩn dụ, biểu tượng. Đối với thơ nữ, điều đó giúp cho các nhà thơ thỏa sức sáng tạo, các lớp nghĩa của thi ảnh được phát lộ, nâng cao hiệu ứng thẩm mỹ. Ta có thể bắt gặp những thi ảnh rất đặc biệt qua “*vàng trắng cảm thạch*” của Lê Thị Mỹ; “*Diệp lục tình yêu*”, “*Mùa anh*”, “*Người đêm khuyết*” trong thơ Vi Thùy Linh; “*Rỗng ngực*”, “*Sẹo độc lập*”, “*Giấc mơ của lười*” trong thơ Phan Huyền Thu; “*Sóng đêm*” trong thơ Ly Hoàng Ly... Không chỉ nhằm mô tả hiện thực như nó vốn có, mục đích của các nhà thơ là tạo ra những ám thị, ảo giác để kích thích trí tưởng tượng của người đọc, làm cho trường nghĩa mở rộng, thi ảnh giàu sức gợi và mang sắc màu huyền bí hơn.



Nghệ thuật so sánh thường đem lại những hiệu quả nghệ thuật nhất định cho thơ ca. Cách so sánh thông thường là hình ảnh được đem ra so sánh hình ảnh so sánh phải có những tương đồng, liên quan với nhau. Nhưng so sánh trong thơ của một số nhà thơ nữ sau 75 ấn tượng hơn ở chỗ diễn đạt, cách nói, cách sắp xếp chúng rất mới mẻ, khác biệt. Ở ca dao tục ngữ, hình ảnh so sánh xuất hiện tới mức phổ biến và có những cách ví von rất độc đáo:

*“Thân em như miếng cau khô”  
 “Cổ tay em trắng như ngà  
 Con mắt em sắc như là dao cau  
 Miệng cười như thể hoa ngâu  
 Cái khăn đội đầu như thể hoa sen”*

Và so sánh luôn làm cho thi ảnh thơ trở nên sống động, những thi ảnh trù tượng cũng trở nên cụ thể. Tuy nhiên, muốn tạo sự bất ngờ, thú vị riêng trong những trường liên tưởng mới thì còn tùy thuộc vào ý đồ, tài năng của mỗi nhà thơ. Muốn vậy, nhà thơ phải rất công phu tìm kiếm, thể nghiệm mới tạo ra sự độc đáo và mới lạ. Trong thơ nữ Việt Nam sau 75, cách kiến tạo thi ảnh mới lạ hơn khi vật, việc, hiện tượng được dùng đối sánh lại thuộc trường nghĩa khác biệt với vật, việc đối sánh. Với nhà thơ Lê Thị Mây, khi ví *“Em như con dế không rời cỏ xanh” (Đám cỏ xanh)* thì Em và con dế không rời cỏ xanh thật khó để tìm sự liên tưởng cùng trường nghĩa. Nhưng với cách so sánh này, người đọc vẫn có thể tưởng tượng ra đó là con dế nhỏ bé, hiền lành đang nấp vào cỏ, lấy cỏ làm điểm tựa để sống song vẫn phải đối diện với giây phút thất vọng vì lỡ hẹn chia đôi. Thi ảnh đã mang đến biểu nghĩa mới, tượng trưng cho hình bóng người đàn bà cô đơn. Với nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ, cách kiến tạo hình ảnh cũng rất khác lạ khi đặt thi ảnh *“chiếc hôn em”* trong câu so sánh *“Hỡi chiếc hôn em có như lá không?” (Như lá)*. Ở đây các sự vật trong thơ khó tìm thấy điểm gần gũi tương đồng và mối liên hệ tương đồng, nhưng khi phân tích sâu vào bản chất sự vật thì mới thấy được sự tương đồng của nó rất tinh tế. Kiểu so sánh này rất phổ biến trong thơ Vi Thùy Linh: *“Tôi yêu Anh như tuân theo sự sắp đặt của Đấng Sáng thế” (Thánh giá)*, *“Chúng ta từ tốn yêu nhau như nước đọng trên lá sen” (Da vàng)*, *“Và tắm cho cả người đàn bà như cái cây cần đang bới rác ngoài kia” (Cầu vồng)...*

Không có ý định khuôn mình vào một kiểu cấu trúc so sánh cụ thể nào mà thử nghiệm rất nhiều kiểu cấu trúc để kích thích sự sáng tạo, ít trùng lặp trong thi ảnh, nhiều trường hợp thơ cũng thực sự nổi bật hơn khi đặt sự vật được so sánh nằm trong bối cảnh của câu và là một cấu trúc câu chủ vị:

*“Em bồn chồn như cả rừng kiến đốt  
 muốn ngủ bên anh như rễ cây trong đất  
 (Sinh ngày 4 tháng 4 - Vi Thùy Linh)*

Với cách thức sử dụng so sánh này, sự vật hiện tượng đời sống thực hiện lên rất sống động và tinh tế. Nhờ thế mà thi ảnh trong thơ nữ sau 75 mang đến những sắc thái biểu cảm ấn tượng, tạo ra bước đột phá về hình tượng nghệ thuật, phục vụ đắc lực cho việc triển khai cảm hứng trữ tình trong sáng tác.

Cuối cùng là những thi ảnh được đem ra so sánh đều được gắn liền với thiên tính nữ. Ở một số cây bút nam giới, thi ảnh thể giới được khám phá trong cảm nhận tính nữ không phải là hiếm. Lê Đạt từng có thi ảnh “*má bờ đê con gái*”, “*gió bờ kết*”, “*câu mây*”... nhưng đa số chỉ dừng ở việc mô tả để làm cho thi ảnh sống động hơn. Còn trong thơ nữ, những thi ảnh nghiêng về phái tính, mang ý nghĩa biểu trưng cho thân phận, tình yêu, cuộc sống của nữ giới như “*vàng trắng con gái xanh lơ*” (Lê Thị Mây); “*những ngón mềm*”, “*trăng dịu dàng*” (Vi Thùy Linh)... Điều đó tạo ra sự bất ngờ, hấp dẫn giúp người đọc mở ra những trường liên tưởng mới đồng thời cũng khẳng định được cá tính sáng tạo của nhà thơ.

### 3. KẾT LUẬN

Tìm tòi đổi mới là bản chất, quy luật của sáng tạo nghệ thuật, quyết định sự sống còn của tác phẩm văn học dù không phải sự tìm tòi đổi mới nào cũng đi đúng quỹ đạo, giữ được sự lâu bền và trở thành chuẩn mực, bởi cái mới hôm nay rất có thể là cái cũ ngày mai.

Trong thơ nữ hôm nay, sự tìm tòi đổi mới trong thi ảnh báo hiệu sự phát triển mạnh mẽ trong tư duy nghệ thuật. Từ thi ảnh có thể rất quen thuộc trong đời sống thơ ca của nữ giới nhưng với sự phát huy trí tưởng tượng phong phú, táo bạo cùng cách kiến tạo thi ảnh độc đáo, mới mẻ, thơ nữ không chỉ mang đặc trưng rất riêng mà diện mạo thơ nữ cũng trở nên đặc sắc. Bên cạnh đó, sự đổi mới và xuất hiện những ý nghĩa biểu trưng mới trong thi ảnh không chỉ nói lên cách nhìn, quan điểm thẩm mỹ sáng tạo của các nhà thơ, mà còn là biểu hiện của sự phát triển nhận thức của cái tôi trước thời đại mới. Và có thể nói, đối với thơ nữ Việt Nam sau 75, sự tìm tòi đổi mới thi ảnh đã tạo nên những cách tân đáng kể giúp cho thơ nữ khẳng định vị trí của mình trong sự phát triển của nền thơ đương đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đăng Điệp (2006), *Thơ Việt Nam sau 1975 - một cái nhìn toàn cảnh*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 11, (tr 29 - 44).
- [2] Hà Minh Đức (1997), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Long (2003), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Bá Thành (2015), *Toàn cảnh thơ Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Lưu Khánh Thơ (2017), *Cách tân nghệ thuật và thơ trẻ đương đại*, <http://tonvinhvanhoadoc.vn/van-hoc-tre/360-do-x/2049-cach-tan-nghe-thuat-va-tho-tre-duong-dai.html>, truy cập ngày 20-2-2017.
- [6] Đặng Thu Thủy (2011), *Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỷ 80 đến nay, những đổi mới cơ bản*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## **SOME RESEARCH, INNOVATION IN IMAGES BY VIETNAMESE WOMEN'S POETRY AFTER 1975**

**Le Thuy Nhung**

### **ABSTRACT**

*After 1975, the face of Vietnamese women's poetry has had many changes. Many people believe that female poetry is affirming its position through new changing signals such as the presence of a large number of poets, achievements, and commitment to new things etc. With constant efforts, there are outstanding innovations that contribute to the development of contemporary Vietnamese's literature. One of the great contributions is the research and innovation in poetic images. With a unique system of symbolic images of identity, love, the world of private life, sex and new ways of creating images, female poetry after 1975 gives readers not only a sense of the unique artistic values but also abundant artistic creativity and diversity.*

**Keywords:** *Vietnamese female poetry after 1975, poetic images, innovation.*

*\* Ngày nộp bài: 4/10/2019; Ngày gửi phản biện: 6/10/2019; Ngày duyệt đăng: 8/11/2019*